TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 02 – 2025
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Công Nhân

Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2024 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 454/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 2 năm 2025. Quyết định hoãn phiên tòa số 621/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Tăng Tuyết Đ, sinh năm 1978.

Địa chỉ: A, ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Cường C, sinh năm 1956.

Địa chỉ: A N . B, CA I, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2024; bản tự khai đề ngày 23/9/2024, nguyên đơn bà Tăng Tuyết Đ trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Cường C quen biết nhau vào năm 2019 và đăng ký kết hôn vào ngày 23/9/2022 tại Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, nhưng tháng 4/2023 ông Cường C trở về

Hoa Kỳ để làm thủ tục bảo hiểm. Năm 2024, anh em của ông Cường C có nói với bà là ông Cường C quay lại Việt Nam nhưng ông Cường C không có liên lạc với bà. Bà gọi số điện thoại nhưng thuê bao. Mặc dù, bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay, bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Cường C không thể tiếp tục hàn gắn, không thể duy trì đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Cường C, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bận công việc nên bà Đ không thể tham gia tố tụng, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Tòa án.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Cường C đã được Tòa án tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Nguyễn Cường C đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng ông Nguyễn Cường C vắng mặt không lý do.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa bà Tăng Tuyết Đ và ông Nguyễn Cường C là ly hôn, nguyên đơn bà Tăng Tuyết Đ hiện ở Việt Nam; bị đơn ông Nguyễn Cường C có địa chỉ ở nước ngoài (Hoa Kỳ) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn bà Tăng Tuyết Đ có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt. Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, yêu cầu

cung cấp bản khai và thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Cường C. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Tăng Tuyết Đ và ông Nguyễn Cường C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Tuyết Đ và ông Nguyễn Cường C xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 23/9/2022 số 30/2022. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, nhưng tháng 4/2023 ông Cường C trở về Hoa Kỳ. Năm 2024, anh em của ông Cường C có nói với bà Đ là ông Cường C quay lại Việt Nam nhưng ông Cường C không có liên hệ với bà Đ. Bà Đ gọi số điện thoại nhưng không gọi được. Mặc dù, bà Đ đã nhiều lần tìm cách liên lạc để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Bà Đ nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Cường C không thể tiếp tục kéo dài, không thể duy trì đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà làm đơn này đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn của bà.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý cho ông Nguyễn Cường C. Kết quả ủy thác là đã tống đạt trực tiếp cho ông Cường C nhưng Tòa án không nhận được văn bản nêu ý kiến của ông về những vấn đề mà bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ đó cho thấy ông Cường C cũng không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của bà Đ và ông Cường C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Đ yêu cầu ly hôn với ông Cường C là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Tăng Tuyết Đ trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Cường C nên không có cơ sở xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về con chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[4] Về tài sản chung: Bà Tăng Tuyết Đ trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Cường C nên

không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Bà Tăng Tuyết Đ trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Cường C và cũng không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[6] Về lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Bà Tăng Tuyết Đ phải chịu 200.000 đồng là chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tăng Tuyết Đ phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Tăng Tuyết Đ đối với ông Nguyễn Cường C.

1.1. Về hôn nhân: Bà Tăng Tuyết Đ được ly hôn với ông Nguyễn Cường C. Bà Tăng Tuyết Đ không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn nên ghi nhận.

1.2. Về con chung: Bà Tăng Tuyết Đ trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Cường C nên không có cơ sở xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về con chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

1.3. Về tài sản chung: Bà Tăng Tuyết Đ trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Cường C nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

1.4. Về nợ chung: Bà Tăng Tuyết Đ trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Cường C và cũng không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tăng Tuyết Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005523 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Bà Tăng Tuyết Đ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng là chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005534 ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà Đ đã nộp xong.

4. Bà Tăng Tuyết Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Cường C được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (1b);
- Các đương sự (2b);
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ (1b);
- Lưu hồ sơ (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Lương